

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM YÊN
TỈNH TUYÊN QUANG

Bản án số: 272/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 14 – 9 - 2023

“V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Ninh.

2. Bà Phan Thị Bích.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 14/9/2023 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức số hóa vụ án dân sự thụ lý số 179/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2023 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/8/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1993.

- Bị đơn: Anh Vương Văn L, sinh năm 1975.

Cùng nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Anh L có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo nội dung đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vương Văn L được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 18/4/2011 tại UBND xã Thái Hòa, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không bàn bạc với nhau trong làm ăn kinh tế gia đình, gia đình hai bên đã khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả, không khắc phục được. Chị xác định không còn tình cảm với anh L, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị với anh L đã quá căng thẳng,

trầm trọng, không thể đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái. Thực tế chị và anh L đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2023 đến nay không ai quan tâm thăm hỏi gì đến nhau. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vương Văn L theo quy định pháp luật.

- Về con chung: Chị và anh Vương Văn L có 02 con chung là cháu Vương Khánh B, sinh ngày 16/02/2012 và cháu Vương Khánh L, sinh ngày 04/7/2017. Hiện nay các con chung đang ở cùng với anh L, để ổn định việc học tập và sinh hoạt của các cháu. Ly hôn chị nhất trí để anh L được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị và anh L sẽ tự thỏa thuận.

- Về tài sản chung: Chị và anh Vương Văn L không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

- Về công nợ chung: Chị và anh Vương Văn L không có, không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Tại phiên tòa, chị Trần Thị T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị T giữ nguyên ý kiến đã trình bày nêu trên, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì khác.

**** Theo biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bị đơn anh Vương Văn L trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị T có được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 18/4/2011 tại UBND xã Thái Hòa, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn và chị T có làm đơn ly hôn với anh, Tòa án đang giải quyết sau đó chị T lại rút đơn. Chị T thường xuyên đi làm xa ít quan tâm đến bố con anh. Cách đây khoảng 01 năm chị T đi làm và chỉ về nhà có một lần, không quan tâm hỏi han gì con cái. Nay chị T xin ly hôn anh không nhất trí ly hôn vì anh muốn chị T phải về hợp gia đình lại hai bên nói chuyện rõ ràng với nhau.

- Về con chung: Anh và chị Trần Thị T có 02 con chung là cháu Vương Khánh B, sinh ngày 16/02/2012 và cháu Vương Khánh L, sinh ngày 04/7/2017. Hiện nay các con chung đang ở cùng với anh, để ổn định việc học tập và sinh hoạt của các cháu nếu vợ chồng phải ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Anh yêu cầu chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh số tiền là 1.000.000 đồng/cháu/tháng (tức 2.000.000 đồng/2cháu/tháng). Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng. Thời hạn cấp dưỡng được thực hiện kể từ tháng 9/2023 cho đến khi các cháu Vương Khánh B và cháu Vương Khánh L đủ 18 tuổi trưởng thành.

- Về tài sản chung: Anh và chị Trần Thị T không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

- Về công nợ chung: Anh và chị Trần Thị T không có, không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Tòa án tiến hành lấy lời khai của cháu Vương Khánh B, sinh ngày 16/02/2012 (là con chung của chị Trần Thị T và anh Vương Văn L). Cháu B trình bày khi bố mẹ cháu

giải quyết ly hôn, cháu có nguyện vọng được trực tiếp ở cùng với bố cháu là Vương Văn L. Cháu tự nguyện ở với bố đẻ của cháu và không bị ai ép buộc gì.

Tòa án xác minh tại địa phương thôn Đ, xã T được cung cấp: Hiện nay chị Trần Thị T và anh Vương Văn L là công dân đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Chị T và anh L được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 18/4/2011 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thái Hòa, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Tình cảm vợ chồng trong thời gian đầu chung sống hạnh phúc bình thường, đến cách đây 3-4 năm thì chị T đi làm xa sau đó vợ chồng không quan tâm đến nhau, không thống nhất trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Nay chị T làm đơn xin ly hôn với anh L, quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về tài liệu, chứng cứ: Các đương sự cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm:

- Nguyên đơn chị Trần Thị T cung cấp cho Tòa án: 01 Đơn khởi kiện; 01 Giấy trích lục kết hôn (bản sao); 01 Căn cước công dân mang tên Trần Thị T (bản sao chứng thực); 02 Giấy khai sinh mang tên Vương Khánh B và Vương Khánh L (bản sao chứng thực); 01 xác nhận thông tin cư trú của Công an xã Thái Hòa (bản chính);

- Bị đơn anh Vương Văn L cung cấp cho Tòa án: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác, thông báo anh Vương Văn L đến Tòa án làm việc để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định pháp luật. Tuy nhiên các lần thông báo của Tòa án anh L đều không đến làm việc nên Tòa án không tiến hành hòa giải được cho các bên đương sự suy nghĩ lại tình cảm để quay về hàn gắn, đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình. Vì vậy Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định chung của pháp luật.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

- Về tố tụng: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Đối với nguyên đơn chị Trần Thị T chấp hành các quy định pháp luật tốt; Đối với bị đơn anh Vương Văn L chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình khi Tòa án báo gọi đến làm việc.

- Về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, các Điều 39, 147, 227, 228, 235, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Vương Văn L.

- Về con chung: Giao các con chung là cháu Vương Khánh B, sinh ngày 16/02/2012 và cháu Vương Khánh L, sinh ngày 04/7/2017 cho anh Vương Văn L trực

tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Chị Trần Thị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Vương Văn L số tiền là 1.000.000 đồng/cháu/tháng (tức 2.000.000đồng/2cháu/tháng); Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng; Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 9/2023 cho đến khi các cháu Vương Khánh B và cháu Vương Khánh L đủ 18 tuổi trưởng thành; Chị Trần Thị T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở; Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

- Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật; Anh Vương Văn L không phải chịu tiền án phí.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo bản án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Chị Trần Thị T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Vương Văn L nên xác định đây là vụ án “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Theo thông tin chị T cung cấp và Tòa án xác minh thì hiện nay bị đơn anh Vương Văn L là công dân đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc vắng mặt của nguyên đơn chị Trần Thị T tại phiên tòa: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị T, báo gọi chị T đến tham gia phiên tòa nhưng chị T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Trần Thị T theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Vương Văn L được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 18/4/2011 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thái Hòa, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị T và anh Vương Văn L là hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa chị T và anh L không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng trong thời gian đầu chung sống bình thường, đến năm 2020 thì chị T đi làm xa sau đó vợ chồng không quan tâm đến nhau, không thống nhất trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Chị T xác định không còn tình cảm với anh L, mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng và trầm trọng không thể đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái. Thực tế gần một năm nay chị đi làm xa không về nhà, vợ chồng không quan tâm

thăm hỏi gì đến nhau nữa và đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2023 đến nay. Mặc dù anh L không nhất trí ly hôn nhưng trong thời gian sống ly thân anh L không có động thái tích cực gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh L đã căng thẳng, trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị T và xử cho chị T được ly hôn với anh Vương Văn L theo quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Vương Văn L có 02 con chung là cháu Vương Khánh B, sinh ngày 16/02/2012 và cháu Vương Khánh L, sinh ngày 04/7/2017.

Hiện nay cả hai con chung vẫn trực tiếp ở cùng anh L và do anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ly hôn anh Vương Văn L đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con chung và chị T nhất trí cho anh L được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Căn cứ kết quả xác minh tại địa phương thì cuộc sống của cháu Vương Khánh B và cháu Vương Khánh L vẫn đảm bảo cả về tinh thần, vật chất và được học tập đầy đủ khi ở với anh L. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo ổn định việc học tập và sinh hoạt cho các cháu cần tuyên xử cho anh Vương Văn L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung là cháu Vương Khánh B và cháu Vương Khánh L. Chị Trần Thị T được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở, ngăn cấm. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa anh Vương Văn L yêu cầu chị Trần Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L số tiền là 1.000.000 đồng/cháu/tháng (tức 2.000.000 đồng/2cháu/tháng). Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng. Thời hạn cấp dưỡng được thực hiện kể từ tháng 9/2023 cho đến khi các cháu Vương Khánh B và cháu Vương Khánh L đủ 18 tuổi trưởng thành. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên của anh Vương Văn L phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Do vậy cần buộc chị Trần Thị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L cho cháu B và cháu L là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, đất đai chung: Chị Trần Thị T và anh Vương Văn L cùng xác định vợ chồng không có tài sản chung không đề nghị Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về công nợ chung: Chị Trần Thị T và anh Vương Văn L xác định không đề nghị Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí:

+ Chị Trần Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật;

+ Anh Vương Văn L không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, các Điều 39, 147, 227, 228, 235, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Vương Văn L.

2. Về con chung: Giao các con chung là cháu Vương Khánh B, sinh ngày 16/02/2012 và cháu Vương Khánh L, sinh ngày 04/7/2017 cho anh Vương Văn L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Chị Trần Thị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Vương Văn L số tiền là 1.000.000 đồng/cháu/tháng (tức 2.000.000đồng/2cháu/tháng); Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng; Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 9/2023 cho đến khi các cháu Vương Khánh B và cháu Vương Khánh L đủ 18 tuổi trưởng thành; Chị Trần Thị T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở; Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

Khoản tiền phải cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và anh Vương Văn L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Trần Thị T chậm nộp thì phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm nộp tương ứng với thời gian chậm nộp. Lãi suất phát sinh thực hiện theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

+ Chị Trần Thị T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Tổng số tiền án phí chị Trần Thị T phải nộp là 600.000đ (*Sáu trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006663, ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Chị Trần Thị T phải nộp tiếp số tiền án phí là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

+ Anh Vương Văn L không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Vương Văn L có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Chị Trần Thị T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã Thái Hòa (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Tùng